

Số: 441/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 02 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông
năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 và Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 20/TTr-SGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, với các nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá trình độ người học theo mục tiêu giáo dục sau khi học hết chương trình các cấp học; đánh giá được chất lượng giáo dục trong toàn tỉnh.

- Bảo đảm chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu học tập của học sinh trên toàn tỉnh, đặc biệt là học sinh thuộc gia đình chính sách, gia đình nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện tốt phổ cập giáo dục trung học cơ sở và công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.

- Thực hiện đúng quy chế tuyển sinh ở mỗi bậc học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm nghiêm túc, công bằng, khách quan, chính xác.

- Nghiêm cấm các trường học vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Tuyển sinh vào lớp 6

a) Đối với trường trung học cơ sở

- Đối tượng tuyển sinh: Là người đã hoàn thành chương trình tiểu học. Độ tuổi thực hiện theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Phương thức tuyển sinh: Theo phương thức xét tuyển. Công tác tuyển sinh thực hiện theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT.

b) Đối với trường phổ thông dân tộc bán trú, học sinh bán trú

Công tác tuyển sinh thực hiện như đối với trường trung học cơ sở. Ngoài ra, thực hiện việc xét duyệt kết quả theo đúng quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT.

c) Các trường Phổ thông dân tộc nội trú

Thực hiện theo phương thức xét tuyển và cử tuyển trên cơ sở chỉ tiêu phân bổ về các xã, phường, thị trấn và theo Điều 18, Điều 19, Điều 20 Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT.

2. Tuyển sinh trung học phổ thông

a) Đối tượng tuyển sinh: Là người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên, có độ tuổi quy định theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.



b) Phương thức tuyển sinh:

- Đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông thực hiện theo phương thức xét tuyển.

- Đối với Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Chí Thanh: Thực hiện theo phương thức thi tuyển (thi bắt buộc 4 môn gồm Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh và môn chuyên); tuyển sinh các lớp chuyên: Tiếng Anh, Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn và lớp theo lĩnh vực chuyên Lịch sử - Địa lí.

- Đối với Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú N'Trang Long: Thực hiện tuyển sinh theo phương thức thi kết hợp với xét tuyển; thi viết môn Toán và môn Ngữ văn.

III. THỜI GIAN TUYỂN SINH

1. Đối với các đơn vị tổ chức xét tuyển: Hoàn thành trong tháng 7/2021.

2. Đối với các đơn vị tổ chức thi tuyển: Từ ngày 07 - 09/6/2021 (*Lịch chi tiết do Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo*).

3. Việc tổ chức tuyển sinh hoàn thành trước ngày 31/7/2021.

IV. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC TUYỂN THĂNG, CỘNG ĐIỂM ƯU TIÊN

1. Tuyển thăng vào trung học phổ thông: Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018.

2. Cộng điểm ưu tiên: Giao Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT để quy định cụ thể chế độ ưu tiên đối với tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh.

V. ĐỊA BÀN VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Địa bàn tuyển sinh cấp trung học phổ thông

a) Tuyển sinh toàn tỉnh: Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Chí Thanh và Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú N'Trang Long.

b) Tuyển sinh toàn huyện: Các Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông huyện.

c) Tuyển sinh theo địa bàn: (*Chi tiết theo phụ lục I đính kèm*)

2. Chỉ tiêu tuyển sinh

a) Trung học cơ sở: 47.172 chỉ tiêu, trong đó lớp 6 là 11.613 chỉ tiêu.

b) Trung học phổ thông: 21.547 chỉ tiêu, trong đó lớp 10 là 7.765 chỉ tiêu.

c) Dân tộc nội trú:

- Cấp trung học cơ sở: 840 chỉ tiêu, trong đó lớp 6 là 210 chỉ tiêu.

- Cấp trung học phổ thông: 1.080 chỉ tiêu, trong đó lớp 10 là 360 chỉ tiêu.

(*Chi tiết theo phụ lục II, III, IV, V đính kèm*)



Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo đúng Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Hướng dẫn chi tiết công tác tuyển sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông trên toàn tỉnh. Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông.

- Theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình, kết quả tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện kế hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành *nk*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VHXX-HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Y tế, TT&TT;
- Công an tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- Công ty Điện lực Đắk Nông;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX_(VN).

4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



nk

Tôn Thị Ngọc Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Phụ lục I**PHÂN VÙNG TUYỂN SINH CÁC TRƯỜNG THPT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số **441/QĐ-UBND** ngày **02/4/2021** của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Đơn vị	Vùng tuyển sinh (xã/phường/thị trấn)
I	Huyện Tuy Đức	
1	THPT Lê Quý Đôn	Quảng Tâm, Đắk Ngo, Đắk R'Tih, Quảng Tân, Đắk Buk So, Quảng Trực
II	Huyện Đắk R'Lấp	
1	THPT Phạm Văn Đồng	Quảng Tín, Kiến Đức, Kiến Thành, Đắk Wer, Đắk R'Tih, Quảng Tân
2	THPT Nguyễn Tất Thành	Đạo Nghĩa, Đắk Sin, Hưng Bình, Nhân Đạo, Nghĩa Thắng
3	THPT Nguyễn Đình Chiểu	Đắk Ru, Quảng Tín, Hưng Bình, Đắk Ngo
4	THPT Trường Chinh	Đắk Wer, Kiến Thành, Nhân Cơ, Nhân Đạo, Nghĩa Thắng, Quảng Tân, Đắk R'moan
III	Thành phố Gia Nghĩa	
1	THPT Chu Văn An	Nghĩa Thành, Nghĩa Phú, Nghĩa Tân, Nghĩa Đức, Nghĩa Trung, Đắk R'moan, Quảng Thành, Đắk Nia, Đắk Ha
2	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	Các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh
3	THPT Gia Nghĩa	Nghĩa Thành, Nghĩa Phú, Nghĩa Tân, Nghĩa Đức, Nghĩa Trung, Đắk Rmoan, Quảng Thành, Đắk Nia, Nhân Cơ, Đắk Ha
IV	Huyện Đắk Glong	
1	THPT Đắk Glong	Đắk Ha, Quảng Khê, Đắk Plao, Đắk Som
2	THPT Lê Duẩn	Quảng Hòa, Quảng Sơn, Đắk R'Măng
V	Huyện Đắk Song	
1	THPT Đắk Song	Nam Bình, Trường Xuân, Đức An, Thuận Hà, Đắk Hòa, Thuận Hạnh, Đắk Mol, Năm N'Jang
2	THPT Phan Đình Phùng	Đắk N'Drung, Trường Xuân, Đức An, Thuận Hà, Năm N'Jang
3	THPT Lương Thế vinh	Thuận Hà, Nam Bình, Đắk N'Drung, Đắk Hòa, Thuận Hạnh



STT	Đơn vị	Vùng tuyển sinh (xã/phường/thị trấn)
VI	Huyện Đắk Mil	
1	THPT Trần Hưng Đạo	TT. Đắk Mil, Đức Mạnh, Đắk Lao, Thuận An, Đức Minh
2	THPT Đắk Mil	Đức Minh, Thuận An, Đắk Lao, Đức Mạnh, TT. Đắk Mil
3	THPT Quang Trung	Đắk Gằn, Đắk N'Drót, Đức Mạnh, Long Sơn, Đắk R'La, Trúc Sơn
4	THPT Nguyễn Du	Đắk N'Drót, Đắk Sắk, Long Sơn, Đức Minh, Đức Mạnh, Đắk Hòa, Đắk Mol
VII	Huyện Cư Jút	
1	THPT Phan Chu Trinh	TT. Ea T'Ling, Tâm Thắng, Trúc Sơn, Nam Dong
2	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Đắk Wil, Trúc Sơn, Đắk Drông, Cư Knia
3	THPT Phan Bội Châu	Ea Pô, Đắk Wil, Nam Dong, Đắk Drông
VIII	Huyện Krông Nô	
1	THPT Krông Nô	Nam Đà, TT. Đắk Mâm, Tân Thành, Đắk D'Rô, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Buôn Choánh
2	THPT Hùng Vương	Nâm N'Đir, Đức Xuyên, Đắk Nang, Quảng Phú
3	THPT Trần Phú	Nam Đà, TT. Đắk Mâm, Tân Thành, Đắk D'Rô, Nâm Nung, Nâm N'Đir, Buôn Choánh, Đắk Sắk, Long Sơn



BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU TUYỂN VÀO LỚP 6 NĂM HỌC 2021-2022

Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số **444** /QĐ-UBND ngày **02** /**4** /2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Đơn vị	Tổng số học sinh lớp 5 năm 2020-2021	Số học sinh THCS năm học 2020-2021					Giao chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2021-2022	
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Tổng số	Lớp 6	
1	Huyện Tuy Đức	1.220	1.009	985	872	713	3.940	1.074	
2	Huyện Đắk R'Lấp	1.478	1.854	1.836	1.735	1.494	6.903	1.478	
3	Thành phố Gia Nghĩa	1.077	1.378	1.303	1.160	1.000	4.917	1.076	
4	Huyện Đắk Glong	1.502	1.600	1.332	1.292	942	5.774	1.550	
5	Huyện Đắk Song	1.555	1.699	1.532	1.461	1.271	6.192	1.500	
6	Huyện Đắk Mil	1.926	2.031	1.862	1.770	1.750	7.678	2.015	
7	Huyện Cư Jút	1.574	1.683	1.501	1.498	1.326	6.182	1.500	
8	Huyện Krông Nô	1.420	1.538	1.407	1.221	1.128	5.586	1.420	
Tổng cộng		11.752	12.792	11.758	11.009	9.624	47.172	11.613	



Phụ lục III

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU TRƯỜNG THPT NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Đơn vị	Tổng số học sinh lớp 9 năm học 2020-2021	Số lớp, số học sinh năm học 2020-2021								Giao chỉ tiêu tuyển năm học 2021-2022	
			Lớp 10	HS	Lớp 11	HS	Lớp 12	HS	Tổng số	Lớp 10		
I	Huyện Tuy Đức	713	7	295	5	222	5	205	832	315		
			1	THPT Lê Quý Đôn	7	295	5	222	5	205	832	315
II	Huyện Đắk R'Lấp	1.494	35	1.510	29	1.249	28	1.153	4.319	1.560		
			1	THPT Phạm Văn Đồng	12	489	9	395	8	343	1.384	500
			2	THPT Nguyễn Tất Thành	7	311	7	285	8	295	956	360
			3	THPT Nguyễn Đình Chiểu	8	347	6	254	5	239	931	330
4	THPT Trường Chinh	8	363	7	315	7	276	1.048	370			
III	Thành phố Gia Nghĩa	1000	26	1.022	24	932	332	628	2.989	1.035		
			1	THPT Chu Văn An	8	333	8	345	9	372	1.048	370
			2	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9	310	9	299	8	249	924	315
			3	THPT Gia Nghĩa	9	379	7	288	315	7	1.017	350
IV	Huyện Đắk Glong	942	10	438	8	305	8	295	1.213	470		
			1	THPT Đắk Glong	5	231	4	167	4	161	648	250
			2	THPT Lê Duẩn	5	207	4	138	4	134	565	220
V	Huyện Đắk Song	1271	19	760	15	623	13	515	2.144	765		
			1	THPT Đắk Song	9	378	7	314	7	275	1.052	360



STT	Đơn vị	Tổng số học sinh lớp 9 năm học 2020-2021	Số lớp, số học sinh năm học 2020-2021								Giao chỉ tiêu tuyển năm học 2021-2022	
			Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		Tổng số	Lớp 10		
			Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS				
2	THPT Phan Đình Phùng		6	236	4	168	3	120	625	225		
3	THPT Lương Thế Vinh		4	146	4	141	3	120	467	180		
VI	Huyện Đắk Mil	1750	36	1.509	32	1.341	29	1.204	4.263	1.480		
1	THPT Trần Hưng Đạo		10	417	10	414	9	371	1.261	430		
2	THPT Đắk Mil		10	419	9	391	8	356	1.210	400		
3	THPT Quang Trung		7	281	6	237	5	194	818	300		
4	THPT Nguyễn Du		9	392	7	299	7	283	974	350		
VII	Huyện Cư Jút	1726	28	1.135	26	927	27	942	3.272	1.210		
1	THPT Phan Chu Trinh		11	438	10	374	10	371	1.272	460		
2	THPT Nguyễn Bình Khiêm		7	292	6	235	6	229	807	280		
3	THPT Phan Bội Châu		10	405	10	318	11	342	1.193	470		
VIII	Huyện Krông Nô	1128	21	864	19	721	19	682	2.515	930		
1	THPT Krông Nô		12	523	12	465	12	431	1.518	530		
2	THPT Hùng Vương		4	167	3	99	3	104	446	180		
3	THPT Trần Phú		5	174	4	157	4	147	551	220		
Tổng cộng			182	7.533	158	6.320	461	5.624	21.547	7765		



Phụ lục IV

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU HỌC SINH DTNT CẤP THCS NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 02 / 4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Đơn vị	Số học sinh năm học 2020-2021					Giao chỉ tiêu tuyển năm học 2021-2022			Ghi chú
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Tổng số	Lớp 6	Hưởng học bổng		
1	DTNT Đắk R'Lấp	30	28	23	29	120	30	120	Bổ sung: Lớp 8: 02 HS; Lớp 9: 07 HS	
2	DTNT Đắk Song	30	30	30	30	120	30	120		
3	DTNT Đắk Mil	30	30	30	29	120	30	120		
4	DTNT Cư Jút	30	29	29	30	120	30	120	Bổ sung: Lớp 8: 01 HS; Lớp 9: 01 HS	
5	DTNT Krông Nô	30	30	30	30	120	30	120		
6	DTNT Đắk Glông	30	30	30	30	120	30	120		
7	DTNT Tuy Đức	30	32	25	24	120	30	120	Bổ sung: Lớp 9: 03 HS	
Tổng cộng		210	209	197	202	840	210	840		



Phụ lục V

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU HỌC SINH DTNT CẤP THPT NĂM HỌC 2021-2022

(Kèm theo Quyết định số **444**/QĐ-UBND ngày **02/4/2021** của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Đơn vị (Trường)	Số học sinh năm học 2020-2021			Dự kiến giao chỉ tiêu tuyển năm học 2021-2022			Ghi chú Tuyển sinh bổ sung lớp 11, 12 để đủ chỉ tiêu giao ban đầu (có ghi rõ số lượng bổ sung của từng lớp)
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Tổng số	Lớp 10	Hưởng HB	
1	THPT DTNT Nơ Trang Long	146	146	137	450	150	450	Bổ sung: Lớp 11: 04 HS; Lớp 12: 04 HS
2	DTNT Đắk R'Lấp	28	26	26	90	30	90	Bổ sung: Lớp 11: 02 HS; Lớp 12: 04 HS
3	DTNT Krông Nô	30	30	30	90	30	90	
4	DTNT Đắk Glong	30	30	28	90	30	90	
5	DTNT Đắk Song	30	30	26	90	30	90	
6	DTNT Đắk Mil	30	29	31	90	30	90	Bổ sung Lớp 12: 01 HS
7	DTNT Cư Jút	30	29	26	90	30	90	Bổ sung Lớp 12: 01 HS
8	DTNT Tuy Đức	30	24	23	90	30	90	Bổ sung Lớp 12: 06 HS
Tổng cộng		354	344	327	1.080	360	1.080	